TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ K
TỈNH K
Số: 141/2019/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

K, ngày 04 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 175/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị B T T T, sinh năm 1984.

Trú tại: Tổ 1, phường T, thành phố K, tỉnh K.

- Bị đơn: Anh N L B Q, sinh năm 1976;

Trú tại: 99 (số mới 453) T, phường T, thành phố K, tỉnh K.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị B T T T và anh N L B Q.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị B T T T và anh N L B Q thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung N L B K, sinh ngày 17/03/2008 cho anh N L B Q trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Chị B T T T không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 144; khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ñy ban thường vụ Quốc hội.

Chị B T T T chịu 150.000*(Một trăm năm mươi nghìn)* đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001162 ngày 08-4-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K. Hoàn trả lại cho chị B T T T 150.000*(Một trăm năm mươi nghìn)* đồng, nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận :
- VKSND Tp K;
- Tòa án nhân dân tỉnh K;
- T.H.A Tp KonTum;
- UBND phường T, Tp K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Lý Trọng Nguyên